

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 12-03-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Lê Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12/03/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/01/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày 05/03/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1984; HKTT: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; Nơi công tác: Văn phòng Hội luật gia tỉnh Hải Dương – Công ty TNHH Nam Hải Law (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983; HKTT: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Đỗ Thị D kết hôn với anh Nguyễn Xuân H vào ngày 18 tháng 03 năm 2005. Việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, những năm đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống bất đồng. Sau đó chị D đi lao động xuất khẩu, vợ chồng sống xa nhau 5 năm nhưng vẫn có bất đồng, nên sau khi về nước vào tháng 9/2019 chị D về luôn nhà bố mẹ đẻ sống đến nay. Do vợ chồng sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng, chị D xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huyền Diệu L, sinh ngày 10/12/2005 và Nguyễn Xuân Nhật Hoàng L, sinh ngày 26/07/2007, đang do anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D xin được nuôi con chung, nhưng khi được biết các con có nguyện vọng ở với anh H thì chị D cũng đồng ý bởi khi chị D không có nhà anh H vẫn chăm sóc nuôi dưỡng các con tốt. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng với gia đình: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H và đồng ý giao cho anh H nuôi hai con chung, ngoài ra chị D không có yêu cầu nào khác.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Trích lục kết hôn, Giấy khai sinh của con;

Tại bản tự khai anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị D về quan hệ vợ chồng và con chung là đúng. Do tính tình không hòa hợp và quan điểm sống bất đồng nên cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vì không muốn con khổ nên anh không muốn ly hôn nhưng chị D cương quyết thì anh cũng đồng ý. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị D đóng góp phí tổn nuôi con. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo

quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

- *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Xuân H là người trực tiếp nuôi con là Nguyễn Huyền Diệu L, sinh ngày 10/12/2005 và Nguyễn Xuân Nhật Hoàng L, sinh ngày 26/07/2007. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án và về đường lối giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Người bị kiện là anh Nguyễn Xuân H có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Xuân H đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân và con chung:* Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 18/03/2005. Quan hệ hôn nhân giữa hai bên tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Xuân H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huyền Diệu L, sinh ngày 10/12/2005 và Nguyễn Xuân Nhật Hoàng L, sinh ngày 26/07/2007 hiện do anh H nuôi dưỡng. Chị D, anh H cùng xác nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không có khả năng đoàn tụ. Chị D xin ly hôn, anh H đồng ý. Hai bên cũng thống nhất được việc nuôi con khi ly hôn. Xét tất yếu kiến thống nhất của các đương sự trong vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nhưng do anh H không đến Tòa án làm việc nên mặc dù hai bên thống nhất được với nhau về các nội dung của vụ án nhưng phải mở phiên tòa xét xử.

- *Về việc đóng góp phí tổn nuôi con, về tài sản, công nợ, công sức đóng góp:* Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân H là người trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Huyền Diệu L, sinh ngày 10/12/2005 và Nguyễn Xuân Nhật Hoàng L, sinh ngày 26/07/2007. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003330 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Đỗ Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vương Thị Hà